

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1032^a/QĐ-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2019
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Quyết định số:935/QĐ-UBND ngày 15/03/2019; Quyết định:1019/QĐ-UBND ngày 22/3/2019; Quyết định số:1063/QĐ-UBND ngày 25/03/2019; Quyết định số:633/QĐ-SLĐTBXH ngày 5/3/2019.

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban lãnh đạo Sở, phòng Kế hoạch - Tài chính, các tổ chức chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT
- Lưu :VT, KHTC (10b).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cường Sơn

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Chương: 424

(Biểu số 2-ban hành kèm theo TT số 61/2017/TT-BTC
ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 1032/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/3/2019 của
Sở Lao động - TB&XH tỉnh Quảng Bình)

(ĐVT: ngàn đồng)

TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.884.245	
II.1	Kinh phí địa phương	3.020.000	
1	Chi quản lý hành chính	50.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	50.000	(Ban công tác Khuyết tật)
2	Chi đảm bảo xã hội	0	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
..11	Chi chương trình mục tiêu	2.970.000	
11.1	Dự án phát hệ thống Bảo vệ trẻ em	817.000	
11.2	Đã thực hiện các chương trình mục quốc gia về BDG	533.000	
11.3	PT hệ thống Dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân buôn bán người	700.000	
11.4	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề LĐNT	920.000	
II.2	Kinh phí ủy quyền trung ương	7.864.245	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.864.245	

Handwritten signature